

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ CÔNG THƯƠNG - BỘ CÔNG AN**BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ CÔNG THƯƠNG -
BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 60/2011/TTLT-BTC-
BCT-BCA*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2011***THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa
nhập khẩu lưu thông trên thị trường**

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Hải quan năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan năm 2005, Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Bộ Công an hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ hóa đơn chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường bao gồm: hàng hóa nhập khẩu đang trên đường vận chuyển;

đang bày bán; để tại kho, bến, bãi, tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhập khẩu hoặc tại địa điểm khác (gọi chung là hàng hóa nhập khẩu); xử lý vi phạm quy định về hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; vào các địa điểm làm thủ tục hải quan chờ làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan (trừ trường hợp là hàng nhập lậu); hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác; hàng lưu giữ trong kho ngoại quan, kho bảo thuế;

b) Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa tạm xuất - tái nhập; hàng hóa nhập khẩu để thực hiện các dự án đầu tư;

c) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện các hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; các hợp đồng sản xuất hàng xuất khẩu (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này);

d) Hàng hóa nhập khẩu chuyển cửa khẩu; hàng hóa chuyển cảng; hàng quá cảnh đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

đ) Hàng hóa nhập khẩu là tài sản của cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp; hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế và thuộc danh mục hàng hóa được sản xuất từ các nước có chung biên giới nhập khẩu dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới; hàng hóa là hành lý của cá nhân trong định mức miễn thuế;

e) Hàng hóa là quà biếu, quà tặng; hàng hóa viện trợ nhân đạo; hàng hóa là hàng mẫu không thanh toán; hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các cá nhân làm việc tại các cơ quan tổ chức này; hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu của cá nhân được Nhà nước cho miễn thuế; tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ, chứng từ đối với các trường hợp này được quy định tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 194/2010/TT-BTC); Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BCT-BTC-BGTVT-BNN&PTNT-BYT-NHNN ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Liên Bộ Công thương - Tài chính - Giao thông vận tải - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Y tế - Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hàng hóa hoặc kinh doanh, mua, bán, vận chuyển hàng hóa nhập khẩu (gọi chung là cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu).

2. Cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường, cơ quan Công an, cơ quan Hải quan và các đơn vị, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường.

Điều 3. Hóa đơn, chứng từ

1. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là các loại giấy tờ, tài liệu phải có theo quy định của pháp luật để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường và được hướng dẫn cụ thể tại Chương II Thông tư này.

2. Cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu có trách nhiệm quản lý, sử dụng, lưu giữ các hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn xuất trình hóa đơn, chứng từ

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp dưới đây thì cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu phải xuất trình hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa ngay tại thời điểm cơ quan kiểm tra yêu cầu xuất trình; trường hợp cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu không có đại diện trực tiếp áp tải hàng hóa thì phải ủy quyền cho người nhận vận chuyển hoặc người điều khiển phương tiện vận chuyển xuất trình:

a) Hàng hóa nhập khẩu đang trên đường vận chuyển, bao gồm cả trường hợp hàng hóa nhập khẩu đang để tại các địa điểm, kho, bến, bãi nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng nhập khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu của cơ sở sản xuất, kinh doanh đang bày bán, để tại kho, bến, bãi thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của cơ sở đó (trong trường hợp cơ sở kinh doanh kho, bến, bãi đã đăng ký hoạt động kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền) thì trong thời hạn 72 giờ, kể từ thời điểm kiểm tra hàng hóa của cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu, phải xuất trình hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.

Tại thời điểm kiểm tra, nếu cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa thì cơ quan kiểm tra hàng hóa đó tiến hành tạm giữ hàng hóa để xác minh tính hợp pháp của hàng hóa.

Trường hợp cuối thời hạn 72 giờ liên tục, kể từ thời điểm kiểm tra nếu trùng vào thời gian nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động thì việc xuất trình hồ sơ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ và cơ quan kiểm tra phải ghi rõ thời gian, địa điểm yêu cầu xuất trình vào Biên bản kiểm tra.

3. Trường hợp cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu xuất trình đầy đủ hồ sơ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nhưng cơ quan kiểm tra có căn cứ cho rằng nguồn gốc của hàng hóa nhập khẩu không hợp pháp thì cơ quan kiểm tra thực hiện việc đối chiếu hồ sơ, xác minh nguồn gốc hàng hóa đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II **HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

Điều 5. Quy định về hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ nơi làm thủ tục hải quan vào nội địa

1. Đối với hàng hóa do cơ sở kinh doanh trực tiếp nhập khẩu khi vận chuyển vào nội địa phải có các hóa đơn, chứng từ theo từng trường hợp cụ thể như sau:

a) Bản chính Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan; trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện khai hải quan điện tử phải có Tờ khai hải quan điện tử đã được xác nhận thông quan điện tử thực hiện theo Thông tư số 222/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn thí điểm thủ tục hải quan điện tử của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 222/2009/TT-BTC);

b) Trường hợp hàng hóa chưa hoàn thành thủ tục hải quan được đưa về bảo quản, hoặc chuyển địa điểm làm thủ tục hải quan thì trên Tờ khai hải quan phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan Hải quan theo hướng dẫn tại Điều 25 Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Trường hợp khai hải quan điện tử thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 222/2009/TT-BTC;

c) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa được đăng ký Tờ khai hải quan một lần theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan hoặc nhập khẩu hàng hóa phải vận chuyển nhiều lần, bằng nhiều phương tiện vận tải thì phải có bản sao Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu và Lệnh điều động của cơ sở kinh doanh hàng hóa nhập khẩu. Lệnh điều động phải ghi rõ số lượng, chủng loại hàng hóa vận chuyển của Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu, số, ngày, tháng, năm, nơi đi, nơi đến, phương tiện vận tải, biển số phương tiện vận tải.

2. Đối với hàng hóa trao đổi, mua, bán của cư dân biên giới vượt định mức miễn thuế; hàng hóa không có trong Danh mục hàng hóa được sản xuất từ các nước có chung biên giới nhập khẩu dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới; hàng hóa là hành lý của người nhập cảnh vào Việt Nam vượt quá tiêu chuẩn được miễn thuế thì phải khai hải quan và thực hiện các quy định của pháp luật về thuế, chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu. Khi vận chuyển hàng hóa này vào nội địa phải có bản chính Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan và chứng từ nộp thuế.